TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20-7-2026
V/v tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiếu

2. Ông Nguyễn Đình Phúc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Yến Nhi, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Lê Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 07 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số: 711/2025/TLST-HN ngày 15 tháng 12 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2026/QĐXXST-HN ngày 30 tháng 06 năm 2026 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1979; Căn cước công dân: 0801790158xx do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2021.

Địa chỉ thường trú: 307/21B T, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: 36 L, khu phố B, phường L, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Ông Trịnh Roãn Đình C, sinh năm 1975; Căn cước công dân: 0790750239xx do Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 21/12/2021.

Địa chỉ: 307/21B T, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2025, ý kiến trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoàng O trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hoàng O và ông Trịnh Roãn Đình C chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 047/2005 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Phường K, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 18/5/2005. Sau khi kết hôn, bà và ông C chung sống tại địa chỉ số: 307/21B T, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2009, Bà O về Tây Ninh để sinh sống, cuối tuần ông C về thăm con và phụ giúp gia đình Bà O trong việc kinh doanh. Tuy nhiên từ năm 2021, ông C bắt đầu thay đổi tính tình, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông C là người chồng bạo lực về tinh thần, làm bà bị ám ảnh tâm lý, rất sợ khi tiếp xúc với chồng. Cũng từ năm 2021 đến nay, ông C không phụ giúp tài chính để nuôi con và một mình bà phải gánh vác mọi việc trong nhà. Từ năm 2024 vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến đời sống của nhau nữa, bà cũng không còn tình cảm vợ chồng nên bà yêu cầu Toà giải quyết ly hôn với ông Trịnh Roãn Đình C để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà O trình bày giữa bà và ông C có 01 (Một) con chung tên Trịnh Nguyễn Đình V (nam, sinh ngày 30/10/2006). Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà O khai vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà O khai vợ chồng không có nợ chung.

Tại Biên bản hòa giải ngày 30/6/2026, ý kiến trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị đơn ông Trịnh Roãn Đình C trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Hoàng O tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại UBND phường 15, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có một con chung là Trịnh Nguyễn Đình V, sinh năm 2006. Hiện nay, con chung đã trưởng thành. Ông xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và từ năm 2024 đến nay hai bên không còn chung sống cùng nhau. Ông không cố ý xúc phạm Bà O nhưng ông quá bức xúc khi vợ ông làm Nhà nước mà làm ngày làm đêm, không có thời gian cho gia đình. Việc ông không lo tài chính cho con ăn học là do từ năm 2019 ông gặp khó khăn trong công việc và không có thu nhập. Theo ông, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tình cảm của ông đối với Bà O vẫn còn và ông vẫn mong muốn gia đình được đoàn tụ nên ông C không đồng ý ly hôn với Bà O.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C trình bày giữa vợ chồng ông không có tài sản chung và không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định Bà O và ông C có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 047/2005 ngày 18/5/2005 do Ủy ban nhân dân phường 15, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường K, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Bà O và ông C mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà O.

Con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đều khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có địa chỉ cư trú tại 307/21B T, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] Về pháp luật nội dung:

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Xét Bà O và ông C chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Phường K, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 047/2005 ngày 18/5/2005 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà O yêu cầu được ly hôn với ông C vì vợ chồng chung sống không hạnh phúc, ông C là người chồng bạo lực về tinh thần, làm bà bị ám ảnh tâm lý, rất sợ khi tiếp xúc với chồng. Ông C cũng thừa nhận hành vi của mình làm ảnh hưởng đến vợ và thực tế vợ chồng đã sống ly thân nên xét thấy việc duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không đảm bảo cuộc sống hạnh phúc khi không còn tình cảm, mục đích của hôn nhân về xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, bền vững không đạt được. Do đó, Bà O yêu cầu ly hôn với ông C để ổn định cuộc sống là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Xét Giấy khai sinh số 200_KS quyển số 02_2006 do Uỷ ban nhân dân Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Phường K, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 10/11/2006 có cơ sở xác định Trịnh Nguyễn Đình V, sinh ngày 30/10/2006 là con chung của Bà O và ông C. Con chung đã trưởng thành nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung là có cơ sở.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự cùng khai giữa Bà O và ông C không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng

xét xử không xem xét. Trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà O phải chịu án phí về Hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; sửa đổi bổ sung năm 2025;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoàng O được ly hôn với ông Trịnh Roãn Đình C.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Hoàng O và ông Trịnh Roãn Đình C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 047/2005 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Phường K, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 18/5/2005 chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 01 (Một) con chung tên Trịnh Nguyễn Đình V, sinh ngày 30/10/2006. Con chung đã thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hoàng O phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049503 ngày 15/12/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 36, Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND Khu vực 1 - TPHCM;
- Phòng THADS Khu vực 1 - TPHCM ;
- TANDTP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

Lê Thị Lan

TAND KHU VỰC 1

WY1200726.TL.QDBA
22727